

VAI TRÒ CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI TRONG QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

Lê Thị Lan^(*)

^(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Viện Triết học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

Email: lanphilosophy@gmail.com

Tóm tắt: Mô hình hoạt động doanh nghiệp xã hội, xuất hiện và phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam từ 2008 đến nay, đã có nhiều kết quả đóng góp thiết thực cho kinh tế, góp phần thực hiện an sinh xã hội, hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Tìm hiểu mối quan hệ giữa mô hình hoạt động doanh nghiệp xã hội (Social Enterprise) với công tác quản lý phát triển xã hội sẽ cho ta thấy rõ hơn tầm quan trọng của quản lý phát triển xã hội trong thúc đẩy các quá trình phát triển xã hội vì tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay. Bài viết gồm ba phần: về mục tiêu chung của doanh nghiệp xã hội và quản lý phát triển xã hội trong lĩnh vực xã hội; về vai trò hỗ trợ của Nhà nước và những tác động xã hội tích cực của doanh nghiệp xã hội trong 15 năm qua; và về một số gợi ý từ thực tiễn quản lý phát triển xã hội đối với doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam.

Từ khóa: Doanh nghiệp xã hội, quản lý xã hội, quản lý phát triển xã hội.

Ngày nhận bài: 21/06/2024; ngày phản biện: 22/06/2024; ngày sửa chữa: 20/07/2024; ngày duyệt đăng: 15/08/2024.

1. Mở đầu

Sau hơn 20 năm cải cách kinh tế, đổi mới toàn diện các lĩnh vực xã hội, Việt Nam đã ra khỏi danh sách các nước chậm phát triển, chính thức trở thành nước có thu nhập trung bình thấp vào năm 2009 và tiếp tục phát triển theo

đường lối xây dựng Chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là dấu mốc và cơ sở thực tiễn quan trọng để khái niệm “Quản lý phát triển xã hội” được Đảng và Nhà nước quan tâm với rất nhiều vấn đề đặt ra, như: về kinh tế, làm thế nào để quản lý phát

triển kinh tế vượt khỏi bẫy thu nhập trung bình; về văn hóa, làm thế nào để quản lý phát triển văn hóa theo hướng văn hóa vừa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế; về xã hội, làm thế nào để quản lý phát triển xã hội bền vững theo hướng đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội... Đến Đại hội XII của Đảng, “quản lý phát triển xã hội” đã chính thức được đưa vào nội dung của văn kiện đại hội, trở thành một vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng trong sự nghiệp lãnh đạo phát triển quốc gia của Đảng Cộng sản Việt Nam (Đảng Cộng sản Việt Nam 2016). Trong bối cảnh đó, mô hình hoạt động doanh nghiệp xã hội đã xuất hiện và phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam từ 2008 đến nay, đã có nhiều kết quả đóng góp thiết thực cho kinh tế, góp phần thực hiện an sinh xã hội, hỗ trợ tích cực và hiệu quả cho Nhà nước trong việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường. Tìm hiểu mối quan hệ giữa mô hình hoạt động doanh nghiệp xã hội (Social Enterprise) với công tác quản lý phát triển xã hội sẽ cho ta thấy rõ hơn tầm quan trọng của quản lý phát triển xã hội trong thúc đẩy các quá trình phát triển xã hội vì tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết gồm ba phần: về sự gặp gỡ giữa mục tiêu hoạt động của doanh nghiệp xã hội và mục tiêu của quản lý phát triển xã hội trong lĩnh vực xã hội, hay là vai trò của doanh nghiệp xã hội trong thực hiện mục tiêu hoạt động vì sự phát triển xã hội bền vững; về vai trò hỗ trợ của nhà nước (chủ thể quản lý phát triển xã hội) và những tác động xã hội tích cực của doanh nghiệp xã hội trong 15 năm qua; và về một số gợi ý từ thực tiễn quản lý phát triển xã hội đối với doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam.

2. Mục tiêu của quản lý phát triển xã hội và mục tiêu của doanh nghiệp xã hội

Quản lý phát triển xã hội không chỉ là một lĩnh vực lý luận mới ở Việt Nam trong những năm gần đây, đặc biệt là sau khi Việt Nam gia nhập các nước có thu nhập trung bình, mà còn là một quá trình hoạt động thực tiễn quản lý xã hội phát triển theo định hướng chính trị xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Hiện nay, cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội Việt Nam đang có những biến đổi mạnh mẽ. Biến đổi xã hội rõ nhất là sự phân hóa xã hội và biến đổi về giá trị, chuẩn mực, lối sống xã hội... Cụ thể là, chúng ta đang phải đối mặt với vấn đề thiếu hụt ngân sách và nợ

công, năng suất lao động thấp, tham nhũng, phân tầng xã hội, bất công và xung đột xã hội gia tăng. Đồng thời, nhiều khó khăn mới chưa lường trước được đòi hỏi phải ứng phó, như: nạn hạn hán, xâm nhập mặn, lũ lụt, dịch bệnh chưa từng có; sự cố ô nhiễm môi trường, cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên... Thêm nữa, biến đổi khí hậu cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết cho quản lý phát triển xã hội của Việt Nam bởi các tác động tiêu cực đang làm giảm hoặc mất đi các nguồn lực, điều kiện để phát triển, là một nguyên nhân khiến xung đột xã hội gia tăng, dẫn tới nhiều vấn đề xã hội mới xuất hiện... Do vậy, nội dung của quản lý phát triển xã hội, ngoài mục tiêu phát triển đất nước bền vững về kinh tế, môi trường, bền vững về xã hội, phải bao gồm nhận thức về bối cảnh biến đổi cơ cấu xã hội, biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường và các tác động tiêu cực của chúng ở Việt Nam. Nói cách khác, các nội dung quản lý phát triển xã hội vừa phải bao hàm nội dung của quản lý xã hội, vừa bao hàm nội dung của phát triển. Trong bối cảnh phức tạp như vậy, vấn đề đặt ra là chủ thể quản lý phải có đủ năng lực để đáp ứng đòi hỏi khách quan về quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam. Quản

lý phát triển xã hội ở Việt Nam hiện nay trong điều kiện đất nước phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế cũng phải tính đến việc tiếp cận, ứng dụng những thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học công nghiệp 4.0.

Như vậy, Việt Nam phải xây dựng mô hình tổ chức, phương thức quản lý phát triển xã hội tương thích với mục tiêu của quản lý phát triển xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam đã định hướng mô hình này thông qua việc xác lập các mục tiêu tổng quát của phát triển đất nước là: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đồng thời, Văn kiện Đại hội XII của Đảng cũng đã xác định phải nhận thức sâu sắc vị trí, tầm quan trọng của phát triển xã hội bền vững và quản lý phát triển xã hội đối với sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; phải xây dựng, thực hiện các chính sách phù hợp với các giai tầng xã hội; và phải có các giải pháp quản lý hiệu quả để giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, từ đó, ngăn chặn, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội bức xúc, những mâu thuẫn có thể dẫn đến xung đột xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển. Tóm lại, quản lý phát triển xã hội phải chú trọng vào những vấn đề căn cốt nêu trên.

Trong phạm vi quản lý phát triển trong lĩnh vực xã hội, ở tầm quốc gia, Nhà nước, chủ thể quản lý phát triển xã hội, đã có nhiều chính sách tích cực nhằm giải quyết các vấn đề xã hội nổi cộm, như chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chính sách việc làm, giảm nghèo, chính sách bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp, chính sách trợ giúp xã hội, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản... Thực tế cho thấy, dù kinh tế Việt Nam đang phát triển, GDP ngày càng tăng, nhưng giảm nghèo chưa bền vững, phân hóa giàu - nghèo ngày càng lớn, bất bình đẳng về thu nhập, bất bình đẳng xã hội, bất công và xung đột xã hội ngày càng tăng, dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe giảm sút, thiếu việc làm, di dân tự phát, nguy cơ mất an toàn thực phẩm gia tăng; môi trường sống bị ô nhiễm nghiêm trọng... Rõ ràng các vấn đề xã hội phát sinh trong quá trình phát triển là vô cùng phức tạp. Điều này cho thấy công tác quản lý phát triển xã hội hiện nay còn rất hạn chế, bất cập so với thực tiễn. Một nguyên nhân là về mặt lý luận, chúng ta chưa bắt kịp với thực tiễn, còn nhiều vướng mắc, còn thiếu những nghiên cứu khoa học có tính hệ thống, cung cấp

những cơ sở quan trọng cho việc hoạch định chính sách và triển khai thực hiện chính sách trong quản lý phát triển các lĩnh vực của xã hội.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang tác động nhanh chóng và mạnh mẽ tới mọi mặt xã hội hiện nay, các vấn đề xã hội đang ngày càng nảy sinh, diễn biến phức tạp. Điều đó làm suy giảm hiệu quả của phát triển xã hội, khiến mục tiêu phát triển xã hội ngày càng gặp nhiều trở ngại. Do vậy, việc tìm kiếm những mô hình quản lý phát triển xã hội hiệu quả càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Chúng ta có thể nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý phát triển xã hội theo nhiều hướng tiếp cận: hoặc từ trên xuống tầng kiến trúc quản lý xã hội xuống hạ tầng cơ sở, mang tính vĩ mô, là mô hình nhà nước quản lý phát triển xã hội; hoặc tiếp cận từ các nhân tố nằm trong hạ tầng cơ sở xã hội, đang vận động trong quá trình phát triển; hoặc tiếp cận phối hợp từ trên xuống và từ dưới lên.

Đối với cách tiếp cận từ trên xuống, đây là cách tiếp cận quen thuộc đối với chúng ta. Một mô típ tư duy phổ biến là tuyệt đối hóa vai trò của nhà nước trong quản lý phát triển xã hội, từ đó

dẫn tới xu hướng bộ máy quản lý ngày càng phình ra nhằm đáp ứng việc bao quát toàn bộ quá trình phát triển của xã hội theo sự định hướng quản lý của nhà nước. Rõ ràng, với cách tiếp cận này, mô hình quản lý sẽ luôn bất cập bởi quản lý nhà nước không thể và không nhất thiết bao quát sự đa dạng phát triển của xã hội cũng như sự thiếu hụt các nguồn lực con người, tài chính và phương thức tổ chức để thực hiện mô hình này. Đồng thời, cách tiếp cận này cũng rất dễ dẫn tới sự quay trở lại mô hình quản lý quan liêu, duy ý chí dưới một dạng thức khác.

Cách tiếp cận nghiên cứu quản lý phát triển từ dưới lên, từ các nhân tố nằm trong hạ tầng cơ sở xã hội đang trong quá trình vận động phát triển, sẽ cho phép nắm bắt được xu hướng phát triển khách quan của các quá trình xã hội, từ đó có những điều chỉnh tôn trọng quy luật khách quan, để sự quản lý phát triển thuận theo đúng tính tất yếu của các quá trình xã hội, nhờ đó mà đạt được hiệu quả và mục đích của quản lý phát triển. Tuy nhiên, cách tiếp cận này nếu không được định hướng thì có thể dẫn tới nguy cơ phát triển lệch hướng.

Với cách tiếp cận nghiên cứu phối hợp hai hướng tiếp cận nêu trên sẽ đưa

tới một mô hình tương đối lý tưởng về quản lý phát triển xã hội. Nhà nước sẽ thực hiện tốt vai trò chủ thể quản lý, định hướng phát triển với những lĩnh vực, phạm vi chủ đạo của các quá trình xã hội trên cơ sở tôn trọng quy luật vận động khách quan của xã hội. Đồng thời, những nhân tố mới nảy sinh theo quy luật vận động khách quan trong quá trình phát triển sẽ được chủ thể quản lý tạo điều kiện để phát triển theo đúng tính chất của chúng. Trong cách tiếp cận này, mối quan hệ giữa chủ thể quản lý và khách thể bị quản lý sẽ đạt tới sự hài hòa nhờ nhận thức đúng và tôn trọng quy luật vận động xã hội khách quan.

Hiện nay, cách tiếp cận phối hợp hai chiều được coi là cách tiếp cận khoa học nhất trong nghiên cứu quản lý phát triển xã hội: “Quản lý phát triển xã hội là hoạt động quản lý của *nhà nước* với sự phối hợp của các tổ chức *ngoài nhà nước* nhằm xây dựng chính sách, hoàn thiện thể chế, huy động và phân bổ các nguồn lực để giải quyết các vấn đề xã hội liên quan trực tiếp tới cuộc sống của cá nhân và cộng đồng, bảo đảm an sinh cho con người và cộng đồng xã hội, góp phần thúc đẩy kinh tế và văn hóa phát triển, chính trị ổn định và xã hội đoàn kết

- đồng thuận” (Hoàng Chí Bảo 2010: 36). Nếu như phát triển xã hội được thể hiện ở sự tiến bộ của xã hội, ở chất lượng cuộc sống và môi trường sống của con người được nâng cao và cải thiện không ngừng thì, quản lý phát triển xã hội hướng tới mục tiêu là điều tiết các quan hệ xã hội; hoàn thiện các thiết chế xã hội để đạt được mục tiêu của phát triển xã hội. Mục tiêu đó ở Việt Nam hiện nay chính là mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Theo cách hiểu nêu trên về quản lý phát triển xã hội thì doanh nghiệp xã hội là các tổ chức ngoài nhà nước, cùng tham gia vào quá trình quản lý phát triển xã hội trên phương diện doanh nghiệp xã hội góp phần chia sẻ trách nhiệm và gánh nặng xã hội với nhà nước bằng các con đường riêng đầy sáng tạo, tiết kiệm, thiết thực và hiệu quả, đồng thời giúp bù đắp được một khiếm khuyết khó khắc phục của cơ chế thị trường là vận hành bởi động cơ lợi nhuận. Doanh nghiệp xã hội được hiểu như một cách tiếp cận, một triết lý (tinh thần kinh doanh xã hội) “là việc áp dụng các phương thức sáng tạo, theo định hướng thị trường để giải quyết những nguyên nhân gốc rễ của vấn đề xã hội, môi trường, từ đó tạo

ra sự thay đổi mang tính hệ thống và cung cấp giải pháp bền vững” (SCIP. *Khởi sự doanh nghiệp xã hội*). Cách hiểu này là sự kết hợp đa dạng giữa thực tiễn, công cụ và phương thức của khu vực kinh doanh với khu vực xã hội để định hình giải pháp cho các vấn đề của cộng đồng nhằm tạo ra giá trị xã hội mới, bền vững. Doanh nghiệp xã hội hiểu theo nghĩa thực thể, là doanh nghiệp có định hướng xã hội, được tạo ra để giải quyết một vấn đề xã hội, thông qua cách tiếp cận kinh doanh của tư nhân, nhằm nâng cao tính hiệu quả và bền vững, đồng thời tạo ra lợi ích hoặc thay đổi xã hội. Theo cách hiểu này, doanh nghiệp xã hội có nhiều mô hình hoạt động, vì lợi nhuận, phi lợi nhuận hoặc mô hình lai (hybrid), có nhiều hình thức tổ chức: công ty, tổ chức phi lợi nhuận, đơn vị công ích...

Dù có nhiều cách hiểu khác nhau, doanh nghiệp xã hội được phân biệt với các loại hình doanh nghiệp khác ở ba điểm chủ yếu: mục tiêu xã hội được tuyên bố công khai, minh bạch và được đặt lên hàng đầu ngay từ khi thành lập; sử dụng hoạt động kinh doanh, cạnh tranh bình đẳng như một phương tiện để đạt được mục tiêu xã hội; tái phân bổ phần lớn lợi nhuận từ

hoạt động kinh doanh trở lại cho tổ chức, cộng đồng và mục tiêu xã hội (British Council – CIEM – Đại học Kinh tế quốc dân 2016: 12).

Mục tiêu của doanh nghiệp xã hội được xác định rất rõ ràng: doanh nghiệp xã hội lấy việc tạo ra giá trị xã hội là mục tiêu chính; sản xuất kinh doanh là phương thức chủ đạo; lợi nhuận không phải là mục tiêu cuối cùng và một phần lợi nhuận được tái đầu tư nhằm gia tăng giá trị xã hội. Ngoài ra, doanh nghiệp xã hội lấy việc giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường bằng các giải pháp mới, sáng tạo và có sự tham gia của đối tượng thụ hưởng vào việc quản trị và kinh doanh là một phương thức chính để đạt mục tiêu xã hội. Tại Việt Nam, doanh nghiệp xã hội được chính thức đưa vào điều 10, Luật Doanh nghiệp sửa đổi do Quốc hội ban hành ngày 26-11-2014, trong đó quy định rõ “Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hàng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký” (Luật Doanh nghiệp sửa đổi, điều 10, 2014). Chính phủ cũng đã ban hành Nghị định số 96/2015/NĐ-CP, trong

đó nêu rõ chi tiết điều kiện, quy trình đăng ký doanh nghiệp xã hội cùng các quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Thông tư 04/2016/TT-BKHĐT cũng được ban hành quy định các biểu mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp xã hội theo Nghị định 96/2015/NĐ-CP. Với các văn bản pháp lý này, doanh nghiệp xã hội đã có một địa vị pháp lý chắc chắn để hoạt động.

Như vậy, với cách hiểu về doanh nghiệp xã hội như trên cũng như những mục tiêu mà doanh nghiệp xã hội theo đuổi, chúng ta thấy rõ ràng doanh nghiệp xã hội là một mô hình vi mô cụ thể và hiện đại của quá trình phát triển xã hội, đồng thời, mô hình này cũng tham gia vào quá trình quản lý xã hội với tư cách là các tổ chức ngoài nhà nước. Có thể nói, với mục tiêu xã hội của mình, doanh nghiệp xã hội vừa là chủ thể của phát triển xã hội, vừa là đối tượng của quản lý phát triển xã hội ở lĩnh vực vi mô. Chính vai trò kép này của doanh nghiệp xã hội là một mô hình hoạt động sáng tạo hiện đại của các tổ chức ngoài nhà nước. Và, có thể thấy, mục đích của doanh nghiệp xã hội không nằm ngoài mục đích tổng thể, vĩ mô phát triển xã hội của Nhà nước.

3. Tác động của nhà nước tới doanh nghiệp xã hội và tác động của doanh nghiệp xã hội tới xã hội hiện nay

Có thể nói, mô hình doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam là một mô hình được gọi cảm hứng từ các doanh nghiệp xã hội ở các nước phát triển. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam sau đổi mới, các vấn đề thách thức về xã hội và môi trường cũng ngày càng lớn và phức tạp. Theo đó, mô hình hoạt động của các tổ chức xã hội phi chính phủ cũng thay đổi nhanh chóng theo hướng các nguồn tài trợ ngày càng suy giảm, đòi hỏi phải có một mô hình hoạt động mới, có thể ngày càng tự chủ về tài chính. Doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam ra đời theo đuổi việc giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường và tạo ra giá trị xã hội bền vững bằng tinh thần doanh nhân. Nhận thức được sự tất yếu của mô hình doanh nghiệp xã hội với vai trò và tác động xã hội tích cực, to lớn mà các doanh nghiệp xã hội có thể đóng góp trong những lĩnh vực cụ thể của quá trình phát triển xã hội hiện đại, Quốc hội đã thông qua Luật Doanh nghiệp sửa đổi, trong đó có điều 10 quy định về doanh nghiệp xã hội. Bằng các văn bản pháp lý quy định cho sự thành lập, hoạt động, giải thể doanh nghiệp xã

hội và các chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp xã hội, nhà nước (chủ thể quản lý phát triển xã hội) đã tạo lập một môi trường pháp lý thuận lợi để mô hình doanh nghiệp xã hội nhanh chóng phát triển ở Việt Nam.

Tại Việt Nam, với các chính sách khuyến khích của nhà nước và khung khổ pháp lý cụ thể, phù hợp đối với loại hình hoạt động doanh nghiệp xã hội như: chính sách với tổ chức, doanh nghiệp hỗ trợ người cao tuổi, hỗ trợ người khuyết tật, khuyến khích xã hội hóa các hoạt động giáo dục, dạy nghề, y tế..., chỉ trong khoảng 10 năm trở lại đây, các doanh nghiệp xã hội đã phát triển nhanh chóng, tạo nên những tác động xã hội rất ấn tượng. Có thể nói, chỉ trong một thời gian ngắn, Nhà nước đã xây dựng được một môi trường chính sách, pháp lý tuy còn sơ khai nhưng rất tích cực cho các doanh nghiệp xã hội hoạt động. Trong hơn 15 năm qua, ở Việt Nam đã có hơn 1000 doanh nghiệp xã hội được thành lập, cung cấp việc làm cho hàng trăm ngàn người, nâng cao chất lượng cuộc sống cho hơn 600 ngàn người có hoàn cảnh khó khăn, thuộc nhóm yếu thế...¹.

¹ Theo trang Web của Trung tâm hỗ trợ sáng kiến phục vụ cộng đồng (csip.vn) là tổ chức thành công nhất trong hỗ trợ các doanh nghiệp xã hội hoạt động hiệu quả ở Việt Nam hiện nay.

Có thể kể một số doanh nghiệp xã hội điển hình ở Việt Nam hiện nay, như: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Liên kết Sinh thái Việt Nam (Eco link) đưa chè hữu cơ của hàng trăm gia đình người dân tộc phía Bắc Việt Nam ra thế giới; Doanh nghiệp xã hội KOTO đã đào tạo, cung cấp việc làm thuộc lĩnh vực dịch vụ nhà hàng, khách sạn, thay đổi số phận cho hàng trăm bạn trẻ ở độ tuổi 16-22 lang thang, khuyết tật; thiết thời, dễ bị tổn thương trên đường phố; Công ty cổ phần Kym Việt (KymViet) chuyên sản xuất thú nhồi bông chất lượng cao của những người khuyết tật, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Mekong Plus chuyên sản xuất chăn trần và các sản phẩm quà tặng mỹ nghệ tre nứa chất lượng cao phục vụ du lịch, thay đổi cuộc sống của hàng trăm hộ gia đình phụ nữ nghèo vùng nông thôn Nam Bộ; Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên du lịch Sapa O'Chau thay đổi số phận của hàng trăm trẻ em và bà con dân tộc thiểu số H'Mông ở SaPa nhờ kinh doanh du lịch... (British Council-CIEM-Đại học Kinh tế quốc dân 2016).

Các doanh nghiệp xã hội, với những ý tưởng kinh doanh sáng tạo của họ, hướng vào nhiều ngành nghề khác nhau, các đối tượng hưởng lợi

khác nhau. Các ngành nghề mà doanh nghiệp xã hội thường hướng tới như là: sáng tạo văn hóa, nghệ thuật, phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ y tế, nông nghiệp hữu cơ, sáng chế sản phẩm thân thiện với môi trường. Các đối tượng hưởng lợi được chú ý là các nhóm yếu thế như cộng đồng người khuyết tật, trẻ em thiệt thòi, phụ nữ nghèo, người dân tộc thiểu số... Sự thành công của các doanh nghiệp xã hội gần đây cho thấy mô hình này là một phương thức giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường một cách hiệu quả và bền vững. Doanh nghiệp xã hội đã góp phần tích cực hỗ trợ, giảm bớt áp lực cho Chính phủ trong giải quyết các vấn đề xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ và nâng cao năng lực cho người yếu thế, người dân tộc thiểu số, bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường..., đặc biệt là trong điều kiện nguồn lực của Nhà nước dành cho việc giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường còn hạn hẹp. Điều này cho thấy, mô hình doanh nghiệp xã hội là một mô hình có nhiều triển vọng, phù hợp với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn tới.

4. Một số gợi ý chính sách phát triển doanh nghiệp xã hội

Mặc dù có nhiều thành công trong thực hiện sứ mệnh xã hội của mình, nhưng các doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam hiện nay còn rất non trẻ và gặp nhiều khó khăn. Về phía bản thân các doanh nghiệp xã hội, các hạn chế lớn và thường gặp là: thiếu vốn và yếu kém trong khả năng tiếp cận các nguồn lực tài chính; thiếu năng lực quản lý, điều hành, thiếu kinh nghiệm và chất lượng nguồn nhân lực của doanh nghiệp xã hội còn rất thấp. Những hạn chế, cũng là khó khăn này của doanh nghiệp xã hội Việt Nam là tất yếu bởi đây đều là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phần lớn là doanh nghiệp khởi nghiệp trẻ với hình thức kinh doanh mới, đặc biệt là do đặc thù đối tượng hướng tới của doanh nghiệp xã hội chủ yếu là các nhóm yếu thế trong xã hội. Về khách quan, các khó khăn mà doanh nghiệp xã hội gặp phải đến từ hai lý do chính là: khung pháp lý cho hoạt động của doanh nghiệp xã hội chưa đầy đủ; nhận thức của xã hội nói chung, của chính các nhà quản lý nói riêng còn nhiều bất cập đối với loại hình doanh nghiệp này, nhất là nhận thức về vai trò và hoạt động của doanh nghiệp xã hội đối với sự phát triển xã hội bền vững.

Từ những thực trạng khó khăn nêu trên của doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam, có thể đưa ra một số gợi ý chính sách cho việc tháo gỡ khó khăn, phát triển mô hình doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam, góp phần nâng cao hiệu quả của quản lý phát triển xã hội, từ đó góp phần thúc đẩy quá trình phát triển xã hội theo những mục tiêu tổng quát mà Nhà nước Việt Nam hướng tới:

Thứ nhất, cần tập trung vào vấn đề nâng cao nhận thức của nhà quản lý về vai trò, tác động của doanh nghiệp xã hội trong việc chung tay với Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội, môi trường và trách nhiệm của nhà quản lý trong việc tạo dựng, phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội, hỗ trợ tích cực để doanh nghiệp xã hội phát triển.

Quan hệ giữa nhà quản lý phát triển xã hội với doanh nghiệp xã hội là mối quan hệ rất đặc biệt, vừa là quan hệ chủ thể - khách thể quản lý xét trên phương diện quản lý, vừa là quan hệ tương hỗ, song hành xét trên phương diện mục tiêu phát triển xã hội. Vì vậy, việc trang bị nhận thức đúng về doanh nghiệp xã hội cho nhà quản lý sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội với trung tâm là khung chính sách cho doanh nghiệp xã hội. Khi nhà quản lý phát triển xã

hội quán triệt các nguyên tắc phát triển con người - cả cá nhân và cộng đồng - vừa là mục tiêu, vừa là nguồn lực quan trọng nhất để phát triển bền vững đất nước, bảo đảm vừa xây dựng vừa duy trì hệ thống cấu trúc - chức năng hài hòa của xã hội ở cấp vĩ mô và vi mô, phát huy dân chủ ở cơ sở như những nguyên tắc chỉ đạo tư duy quản lý phát triển xã hội đối với doanh nghiệp xã hội thì sẽ tác động tích cực tới lĩnh vực này.

Thứ hai, cùng với nâng cao nhận thức và trách nhiệm của nhà quản lý là việc xây dựng khung chính sách cho doanh nghiệp xã hội, bao gồm: khung pháp lý, hệ thống báo cáo và đo lường tác động, hệ thống chứng chỉ, nhãn mác, thị trường đầu tư tác động xã hội, các cơ chế hỗ trợ và mạng lưới, dịch vụ phát triển và hỗ trợ kinh doanh chuyên biệt. Trong đó, cho đến nay, những yếu tố về pháp lý được coi là quan trọng nhất cho hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội đã được thiết lập. Tuy nhiên, những chính sách khác, như tài trợ từ chính phủ, ưu đãi trong đấu thầu cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ về thể chế, thành lập cơ quan điều phối,... là những yếu tố hỗ trợ cần thiết từ Nhà nước để hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội được xây dựng, phát triển bền

vững thì vẫn còn rất thiếu, thậm chí chưa thể xuất hiện.

Trong xu thế phát triển xã hội hiện nay, doanh nghiệp xã hội được coi là một mô hình hiệu quả, có thể đóng vai trò quan trọng tạo tác động xã hội tích cực hỗ trợ Nhà nước giải quyết các vấn đề xã hội thuộc trách nhiệm của Nhà nước, như hỗ trợ Nhà nước cung cấp dịch vụ phúc lợi, dịch vụ công... Để có thể phát huy vai trò hiện đại đó của doanh nghiệp xã hội, các giải pháp về truyền thông nâng cao nhận thức của xã hội và nhà quản lý về vai trò của mô hình doanh nghiệp xã hội trong phát triển xã hội cần được chú trọng hơn nữa. Đặc biệt, Nhà nước cần phải chú trọng một số giải pháp chính sách sau: cần chuyển đổi vai trò của nhà nước từ người cung cấp trực tiếp dịch vụ công sang vai trò đảm bảo cung cấp dịch vụ công đến người dân một cách công bằng, hiệu quả bằng cách cho đấu thầu công khai, cạnh tranh để doanh nghiệp xã hội có thể tham gia cung cấp các sản phẩm và dịch vụ công ích; cần xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp xã hội hoạt động như chính sách tiếp nhận tài trợ đảm bảo thông thoáng, tiếp cận thuận lợi và thủ tục hành chính đơn giản; cần thành lập quỹ phát triển

doanh nghiệp xã hội từ ngân sách nhà nước và tài trợ của các quỹ thiện nguyện và nhà đầu tư xã hội; cần có chính sách và chương trình đào tạo nâng cao năng lực, chất lượng, phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp xã hội; cần có chính sách phát triển quan hệ hợp tác quốc tế cho các doanh nghiệp xã hội để thu hút các nguồn đầu tư xã hội trên thế giới.

Những giải pháp này nếu được Nhà nước chỉ đạo thực hiện, sẽ tạo lập một môi trường thuận lợi để doanh nghiệp xã hội có thể phát huy hết các ưu điểm của mô hình này vào phục vụ cộng đồng, xã hội theo định hướng phát triển xã hội của Việt Nam.

Kết luận

Doanh nghiệp xã hội là một mô hình kinh doanh hiện đại phù hợp với xu hướng phát triển xã hội tiến bộ, công bằng, bền vững, có vai trò hỗ trợ Nhà nước trong quản lý phát triển xã hội hướng tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ở tầm vi mô. Mặc dù mới chính thức xuất hiện ở Việt Nam hơn 10 năm gần đây, nhưng doanh nghiệp xã hội đã thể hiện là một mô hình giàu tiềm năng trong lĩnh vực phát triển xã hội, khi thực hiện vai trò xã hội của mình, với những tác động tích cực trong việc tạo công việc,

nâng cao mức sống cho các nhóm yếu thế, bảo vệ môi trường... Nếu được Nhà nước tạo dựng môi trường thuận lợi bằng các chính sách phù hợp, doanh nghiệp xã hội chắc chắn sẽ ngày càng trưởng thành, lớn mạnh, góp phần không nhỏ cho sự nghiệp phát triển xã hội bền vững của Nhà nước.

Tài liệu trích dẫn

1. Hoàng Chí Bảo. 2010. *Luận cứ và giải pháp phát triển xã hội ở nước ta thời kỳ đổi mới*. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.

2. Britist Council-CIEM-Đại học Kinh tế quốc dân. 2016. *Điển hình doanh nghiệp xã hội tại Việt Nam*, Hà Nội. Bản PDF.

3. *Luật Doanh nghiệp sửa đổi, điều 10*. 2014. Tiêu chí, quyền và nghĩa vụ doanh nghiệp xã hội, Ban hành ngày 26-11-2014. (<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-2014-259730.aspx>). Truy cập ngày 21/2/2024.

4. SCIP. *Khởi sự doanh nghiệp xã hội*. Cẩm nang dành cho các tổ chức hội dân sự. (<https://csip.vn/>). Truy cập ngày 21/2/2024.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2016. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Đảng.